

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 279/2024/DS-PT
Ngày: 06 - 12 - 2024
V/v tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng
Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 359/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Quốc C; Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn anh Lê Quốc C: Ông Lê Văn L; Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2024).

- Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956.
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Số A ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyễn đơn anh Lê Quốc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Quốc C có ông Lê Văn L là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Vào ngày 09/4/2003, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T có chuyển nhượng cho anh Lê Quốc C một miếng đất ruộng thửa 593, tờ bản đồ số 3, diện tích 21.000m², tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, đất do ông Nguyễn Văn M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với giá 105 chỉ vàng 24K 9999. Anh C đã giao đủ vàng cho ông M, bà T. Các bên thỏa thuận ông M phải chịu chi phí trước bạ sang tên theo Giấy chuyển nhượng đất ruộng ngày 09/4/2003 ghi “*chi phí sang tên ông M phải chịu*”, do ông M không chịu đóng tiền để anh C làm thủ tục sang tên, nên anh C đã đóng thay cho ông M, số tiền đóng trước bạ sang tên là 17.824.278 đồng, theo hai Giấy nộp tiền ngày 12/01/2024.

Hiện nay anh C đã được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 593, được Nhà nước tách ra thành 05 thửa gồm: Thửa 105, diện tích 680,3m²; Thửa 127, diện tích 8.088,9m²; Thửa 142, diện tích 1.651,9m²; Thửa 158, diện tích 6.110,4m²; Thửa 180, diện tích 3.340,5m². Nay anh Lê Quốc C yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T trả cho anh số tiền anh đã đóng thay cho ông M trước bạ sang tên là 17.827.278 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ngày 18/9/2024, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T có bản trình bày ý kiến:

Nguyên vào năm 2000, vợ chồng ông M, bà T có chuyển nhượng 21 công đất (21.000m²), tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho ông Nguyễn Văn T1 với giá 105 chỉ vàng 24K, có làm giấy tay do ông T1 giữ nhưng hai bên chưa lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Sau đó, một thời gian sau ông T1 chuyển nhượng phần đất trên cho ông Lê Văn L (nhưng anh C con ông L đứng tên) và ông T1 yêu cầu vợ chồng ông, bà lập giấy tay với anh C. Năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết tranh chấp giữa anh C với vợ chồng ông, bản án đã có hiệu lực và thi hành xong các bên đã hoàn thành nghĩa vụ. Đến

ngày 28/5/2024, anh Lê Quốc C có khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện L đòi với số tiền mượn là 17.827.278 đồng và anh C cho rằng vợ chồng có ký và cam kết trong giấy tay chuyển nhượng đất ruộng vào ngày 09/4/2003. Vợ chồng ông không có mượn anh C số tiền nêu trên nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 154/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12, 14, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Quốc C có ông Lê Văn L đại diện yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T trả cho nguyên đơn anh C số tiền đóng thuế trước bạ sang tên 17.827.278 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn M bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Quốc C có ông Lê Văn L đại diện số tiền đóng trước bạ sang tên là 3.565.458 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Quốc C có ông Lê Văn L đại diện yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T trả cho nguyên đơn anh C số tiền thuế thu nhập cá nhân là 14.261.830 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 11 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn anh Lê Quốc C có đơn kháng cáo với nội dung: Anh Lê Quốc C không đồng ý với Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu của anh yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T trả cho anh số tiền đóng trước bạ sang tên là 14.261.830 đồng. Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T trả cho anh C số tiền 14.261.830 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông L người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông L yêu cầu ông M, bà T trả cho ông C số tiền 14.261.830 đồng là thuế thu nhập cá nhân mà anh C đã nộp thay cho ông M. Ông M, bà T không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Quốc C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Quốc C kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T trả cho anh C số tiền 14.261.830 đồng. Lý do: Theo nội dung Giấy chuyển nhượng đất ruộng ngày 09/4/2003, giữa ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T thể hiện ông M, bà T chuyển nhượng cho anh C diện tích đất ruộng 21.000m², giá chuyển nhượng là 105 chỉ vàng 24K 9999 và ông M thỏa thuận phần thuế trước bạ ông M chịu tất cả. Ngày 20/12/2023, Chi Cục thuế khu vực F - Cục thuế tỉnh Đ thông báo yêu cầu ông Nguyễn Văn M nộp tiền thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản số tiền 14.261.830 đồng và thông báo yêu cầu anh C nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất là 3.565.458 đồng anh C đã nộp thay cho ông M số tiền trên. Ông M, bà T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh C và cho rằng ông, bà chỉ thỏa thuận chuyển nhượng phần đất 21.000m² cho ông Nguyễn Văn T1. Giấy chuyển nhượng đất ruộng ngày 09/4/2003 giữa ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T chuyển nhượng cho anh Lê Quốc C diện tích đất ruộng 21.000m² lập nhằm hợp thức hóa giao dịch chuyển nhượng lại phần đất trên giữa ông T1 với ông L (ông L giao anh C đứng tên). Khi anh C nộp thuế số tiền 14.261.830 đồng thì anh C không có thỏa thuận lại với ông bà, anh C muốn đăng ký kê khai lại quyền sử dụng đất thì anh C tự nộp, ông bà không đồng ý chịu số tiền thuế 14.261.830 đồng.

[2] Xét Giấy chuyển nhượng đất ruộng ngày 09/4/2003 giữa ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T chuyển nhượng cho anh Lê Quốc C diện tích đất ruộng 21.000m², giá chuyển nhượng là 105 chỉ vàng 24K 9999, trong Giấy có ghi nội dung: “*phần trước bạ bên anh Nguyễn Văn M phải chịu tất cả*”.

Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận phần đất ruộng 21.000m² có nguồn gốc do ông M, bà T chuyển nhượng cho ông T1 nhưng hai bên không làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Sau đó ông T1 thỏa thuận chuyển nhượng đất lại cho ông L (cha anh C) nên ngày 09/4/2003 giữa ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T lập giấy tay chuyển nhượng sang cho anh Lê Quốc C để tiện làm thủ tục. Sau đó, ông M, bà T không đồng ý với nội dung thỏa thuận trên.

Đến năm 2021, anh C phát sinh tranh chấp phần đất chuyển nhượng 21.000m² theo Giấy chuyển nhượng đất ruộng ngày 09/4/2003 và tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đã xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh C với ông M, bà T và buộc ông M, bà T chuyển quyền sử dụng phần đất đã chuyển nhượng trên cho anh C và anh C có nghĩa vụ trả ông M, bà T số vàng 05 chỉ vàng 24K. Khi án có hiệu lực pháp luật các bên đã thi hành xong bản án trên.

Đến ngày 20/12/2023, Chi Cục thuế khu vực 6 - Cục thuế tỉnh Đ thông báo yêu cầu ông Nguyễn Văn M nộp tiền thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản số tiền 14.261.830 đồng và anh C đã không thông báo hay thỏa thuận lại với ông M về số tiền trên. Tại phiên tòa, ông M, bà T không đồng ý nộp số tiền thuế trên theo yêu cầu của anh C.

Xét anh C kháng cáo cho rằng theo Giấy chuyển nhượng đất ruộng ngày 09/4/2003 giữa ông M, bà T với anh C thì ông M thỏa thuận ông M sẽ chịu toàn bộ thuế. Anh C đã nộp thay ông M số tiền thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản là 14.261.830 đồng nên anh C kháng cáo yêu cầu ông M trả lại số tiền trên cho anh. Xét Giấy chuyển nhượng đất ruộng ngày 09/4/2003 giữa ông M, bà T với anh C đã được Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật và các bên đã thi hành xong bản án trên. Số tiền thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản là 14.261.830 đồng là khoản thuế phát sinh sau thời điểm Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật và khi nghĩa vụ thuế phát sinh thì giữa ông M với anh C không thỏa thuận lại và ông M cũng không đồng ý nộp số tiền trên. Việc anh C

đăng ký kê khai lại quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp là đăng ký theo bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nên anh C phải thực hiện nghĩa vụ thuế của người sử dụng đất theo quy định pháp luật. Do đó, khoản tiền thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản số tiền 14.261.830 đồng án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện anh C là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm về phần buộc ông Nguyễn Văn M bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Quốc C có ông Lê Văn L đại diện số tiền đóng trước bạ sang tên là 3.565.458 đồng và phần án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng. Số tiền trên anh C đã nộp xong nên được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Quốc C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Quốc C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T trả cho nguyên đơn anh Lê Quốc C số tiền thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản là 14.261.830 đồng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Lê Quốc C phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Số tiền trên anh C đã nộp tạm ứng xong theo biên lai thu số 1512, ngày 11/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm về phần buộc ông Nguyễn Văn M bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Quốc C có ông Lê Văn L đại diện số tiền đóng trước bạ sang tên là 3.565.458 đồng và phần án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND huyện L: 01;
- Chi Cục THADS huyện L: 01;
- Đương sự: 03;
- HCTP: 01;
- KTNV: 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca